

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp gói dịch vụ: Bảo hiểm cháy nổ cơ sở 2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Thủ tướng Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-KSBT ngày 07/10/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự toán gói dịch vụ: “Bảo hiểm cháy nổ cơ sở 2” của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ công văn số 583/KSBT-TCHC ngày 14/10/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên về việc mời thương thảo hợp đồng gói dịch vụ: “Bảo hiểm cháy nổ cơ sở 2” của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện Hợp đồng ngày 15/10/2025 giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên và Công ty Bảo hiểm PVI Thái Nguyên về việc hoàn thiện Hợp đồng gói dịch vụ “Bảo hiểm cháy nổ cơ sở 2” của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói dịch vụ: “Bảo hiểm cháy nổ cơ sở 2” của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên như sau:

- Tên nhà cung cấp được chọn: Công ty Bảo hiểm PVI Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tầng 5, số 66, tổ 98, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

- Giá gói dịch vụ: **9.290.843** đồng (Bằng chữ: *Chín triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng./.*)

Giá trên đã bao gồm tiền thuế VAT và các chi phí khác.

(Phụ lục danh mục tài sản mua bảo hiểm cháy nổ đính kèm)

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, nguồn thu dịch vụ và các khoản thu hợp pháp khác.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện: 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Các khoa/phòng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm phối hợp với nhà thầu để triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Bảo hiểm PVI Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC-HC.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KSBT ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Năm sử dụng	SL	Nguyên giá	Hao mòn khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	PHÒNG TC-HC						
1	Nhà làm việc Nhà A - (BK)	T55016037-203-5084	2009	1	4.517.258.000	1.993.006.006	2.524.251.994
2	Nhà xét nghiệm và hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế Nhà E (BK)	T55016037-204-5093	2018	1	4.828.599.600	1.545.151.872	3.283.447.728
3	Trung tâm PC HIV/AIDS Nhà D(BK)	T55016037-204-5087	2009	1	9.309.321.000	4.840.846.920	4.468.474.080
4	Nhà làm việc (TTPCBXH) Nhà B(BK)	T55016037-204-5086	2007	1	4.986.980.000	3.191.667.200	1.795.312.800
5	Hệ thống cầu truyền hình HT Nhà A(BK)	T55016037-60339-4127	2021	1	17.700.000	7.775.358	9.924.642
6	Máy tính để bàn ĐNA (Nông Văn Tài) (BK)	T55016037-60339-3975	2023	1	11.050.000	4.420.000	6.630.000
7	Màn hình ti vi LG 75 inch - HT Nhà A (BK)	T55016037-6020204-5004	2024	1	19.690.000		19.690.000
8	Máy chủ (BK)	T55016037-6020222-4093	2018	1	111.072.997	97.188.875	13.884.122
	Tổng cộng			8	23.801.671.597	11.680.056.231	12.121.615.366
II	KHOA DƯỢC – VTYT						
1	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3393	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
2	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3394	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
3	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3396	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
4	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3395	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
5	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3392	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
6	Tủ bảo quản vaccine TCW80AC (BK)	T55016037-60339-3382	2021	1	74.373.678	37.186.840	37.186.838
	Tổng cộng			6	528.042.503	320.729.860	207.312.643
III	KHOA XN - CĐHA - TDCN						
1	Hệ thống báo cháy (BK)	T55016037-60337-3755	2018	1	91.553.000	80.108.875	11.444.125
2	Hệ thống Real-time PCR (BK)	T55016037-60339-3812	2021	1	1.050.000.000	481.250.000	568.750.000
3	Máy phá mẫu bằng vi sóng (BK)	T55016037-60339-3875	2019	1	1.120.000.000	840.000.000	280.000.000

4	Bộ lưu điện cho máy geneXper (BK)	T55016037-60339-3779	2024	1	37.350.000	4.668.750	32.681.250
5	Máy tách chiết Acid Nucleic (BK)	T55016037-60339-3884	2021	1	700.000.000	320.833.334	379.166.666
6	Hệ thống máy xử lý chất thải lỏng Y tế (BK)	T55016037-60339-3810	2018	1	485.000.000	424.375.000	60.625.000
7	Máy tách chiết tinh sạch ADN/ARN và protein tự động (BK)	T55016037-60339-3885	2020	1	730.000.000	412.450.000	317.550.000
	Tổng cộng			7	4.213.903.000	2.563.685.959	1.650.217.041
IV	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA						
1	Máy XQuang kỹ thuật số (BK)	T55016037-60339-3419	2022	1	2.280.000.000	806.142.858	1.473.857.142
2	Máy sinh hiển vi khám mắt (BK)	T55016037-60339-3616	2025	1	345.900.000		345.900.000
3	Máy X Quang di động kỹ thuật số xách tay (BK)	T55016037-60339-3418	2024	1	595.000.000	74.375.000	520.625.000
4	Máy đọc phim x quang lao phổi tự động (BK)	T55016037-60339-3412	2024	1	388.000.000	48.500.000	339.500.000
5	Máy siêu âm màu 4D (BK)	T55016037-60339-3465	2018	1	773.000.000	611.958.334	161.041.666
	Tổng cộng			5	4.381.900.000	1.540.976.192	2.840.923.808
	CƠ SỞ METHADONE						
1	Tủ thuốc Methadone 2 cửa 3 lần khóa	T55016037-60336-3352	2024	1	25.000.000	3.125.000	21.875.000
2	Bơm chia liều thuốc Methadone	T55016037-60339-3346	2020	1	19.825.000	11.201.125	8.623.875
3	Bơm chia liều thuốc Methadone	T55016037-60339-3345	2020	1	19.825.000	11.201.125	8.623.875
4	Tủ thuốc Methadone 4 cửa 3 lần khóa	T55016037-60336-3353	2024	1	38.000.000	4.750.000	33.250.000
	Cộng			4	102.650.000	30.277.250	72.372.750
	TỔNG CỘNG			30	33.028.167.100	16.135.725.492	16.892.441.608

(Số tiền bằng chữ: Mười sáu tỷ tám trăm chín mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm linh tám đồng.)